

Số: 07/2022/QĐST-DS

Phú Riềng, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12/8/2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 77/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1961

HKTT: 464/4, ấp 3, P. A L Đ, Quận 2 (nay là TP. Thủ Đức), TP. Hồ Chí Minh

Chỗ ở: 9/4A, đường 14, P. B, TP. T, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp L 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị H:

Luật sư K, Văn phòng luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nghĩa vụ: Các đương sự thống nhất bà H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn H số tiền tương đương giá trị của 01ha đất vườn điều có địa chỉ tại thôn Đ (gọi thôn Bàu Trâu), xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước và số tiền làm điều chung mà bà Hằng nhận trả với tổng số tiền 700.000.000 đồng (*Bằng chữ:* Bảy trăm triệu đồng).

Về phương thức thực hiện việc trả tiền: Bà H có nghĩa vụ trả số tiền 700.000.000 đồng cho ông Lê Văn H trong 03 lần:

Lần 1: Ngày 22/8/2022, bà H trả cho ông Lê Văn H số tiền 200.000.000 đồng (*Bằng chữ:* Hai trăm triệu đồng)

Lần 2: Ngày 01/01/2023, bà H trả cho ông Lê Văn H số tiền 250.000.000 đồng (*Bằng chữ:* Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Lần 3: Ngày 01/4/2023, bà H trả cho ông Lê Văn H số tiền còn lại là 250.000.000 đồng (*Bằng chữ:* Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 5.400.000đ (*Bằng chữ:* Năm triệu bốn trăm ngàn đồng). Ông Hòa đã hoàn thành nghĩa vụ.

Bà H tự nguyện chịu chi phí định giá lại với số tiền 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm triệu đồng). Bà Hằng đã hoàn thành nghĩa vụ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 16.000.000đ (*Bằng chữ:* Ba triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng). Nguyên đơn ông Lê Văn H tự nguyện chịu 8.000.000đ (Tám triệu đồng), bị đơn bà H tự nguyện chịu 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền 8.000.000đ (*Bằng chữ:* Tám triệu đồng) còn dư theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015530 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án

xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Phụng